|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ**  **BỘ MÔN TIN HỌC** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I**  **NĂM HỌC 2022- 2023** |

**1. MỤC TIÊU**

1.1. **Kiến thức**. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

* Hệ cơ sở dữ liệu
* Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
* Cấu trúc bảng
* Các thao tác cơ bản trên bảng
* Biểu mẫu

**1.2. Kĩ năng**: Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

* Khảo sát thực tế cho ứng dụng Hệ CSDL
* Thực hiện các thao tác Access
* Tạo cấu trúc bảng theo mẫu, chỉ định khóa chính
* Thực hiện việc chỉnh sửa, lưu cấu trúc bảng
* Thực hiện các thao tác cơ bản trên bảng
* Thực hiện tạo biểu mẫu đơn giản, chỉnh sửa biểu mẫu.

**2. NỘI DUNG**

**2.1. Các dạng câu hỏi định tính:**

* Hãy liệt kê các thao tác cơ bản khi làm việc với bảng?
* Hãy cho biết sự khác nhau giữa chế độ biểu mẫu và chế độ thiết kế của biểu mẫu.
* Hãy nên thứ tự các thao tác tạo biểu mẫu bằng thuật sĩ.

**2.2. Các dạng câu hỏi định lượng:**

* Hãy chỉ ra các thao tác sắp xếp các bản ghi tăng dần theo trường?
* Khi nhập dữ liệu, trường nào không được để trống?
* Hãy chỉ ra các thao tác để lọc

**2.3.Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Bài 1: Một số khái niệm cơ bản** | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 2,5%  (2.25đ) |
| **Bài 2: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** | 3 |  | 2 |  | 1 |  |  |  | 15%  (1,5đ) |
| **Bài 3: Giới thiệu về Microsoft Access** | 2 |  |  | 1 |  |  |  |  | 15%  (1,5đ) |
| **Bài 4: Cấu trúc bảng** | 4 |  | 5 |  |  |  |  | 1 | 32,5%  (3,25đ) |
| **Bài 5: Các thao tác cơ bản trên bảng** | 4 |  |  |  | 2 |  |  |  | 15%  (1,5đ) |
| **Bài 6: Biểu mẫu** | 2 |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  | 20%  (2đ) |
| **Tổng** | 16 |  | 8 | 1 | 4 | 1 |  | 1 | 10đ |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | 100% |

**2.4.Câu hỏi và bài tập minh họa** :

Câu 1: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào *sai*?

A. Trường (field): bản chất là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của chủ thể cần quản lý

B. Bản ghi (record): bản chất là hàng của bảng, gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể được quản lý

C. Kiểu dữ liệu (Data Type): là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường

D. Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu

Câu 2: Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy:

A.Trường                    B.Cơ sở dữ liệu                      C.Tệp                          D.Bản ghi khác

Câu 3: Phát biểu nào sau là *đúng* nhất ?

A. Record  là tổng số hàng của bảng                        B. Data Type là kiểu dữ liệu trong một bảng

C. Table gồm các cột và hàng                                   D. Field là tổng số cột trên một bảng

Câu 4: Trong Access, khi nhập dữ liệu cho bảng, giá trị của field GIOI\_TINH là True. Khi đó field GIOI\_TINH được xác định kiểu dữ liệu gì ?

A.Yes/No                    B.Boolean                               C.True/False                D.Date/Time

Câu 5: Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường THÀNH\_TIỀN (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), phải  chọn loại nào?

A. Number                          B. Currency                   C. Text                           D. Date/time

Câu 6: Trong Access, dữ liệu kiểu ngày tháng được khai báo bằng:

A. Day/Type                       B. Date/Type                 C. Day/Time                   D. Date/Time

Câu 7: Cửa sổ cấu trúc bảng được chia làm những phần nào?

A. Phần định nghĩa trường và phần các tính chất của trường

B. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type) và mô tả trường (Description)

C. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type) và các tính chất của trường (Field Properties)

D. Tên trường (Field Name), kiểu dữ liệu (Data Type), mô tả trường (Description) và các tính chất của trường (Field Properties)

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là *sai*?

A. Phần định nghĩa trường gồm có: tên trường, kiểu dữ liệu và mô tả trường

B. Mô tả nội dung của trường bắt buộc phải có

C. Cấu trúc của bảng được thể hiện bởi các trường

D. Mỗi trường có tên trường, kiểu dữ liệu, mô tả trường và các tính chất của trường  
Câu 9: Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định tên trường, ta gõ tên trường tại cột:

A. File Name                      B. Field Name               C. Name Field                D. Name

Câu 10: Khi thiết kế xong bảng, nếu không chỉ định khóa chính thì:

A. Access đưa lựa chọn là tự động tạo trường khóa chính cho bảng có tên là ID với kiểu dữ liệu là AutoNumber

B. Access không cho phép lưu bảng

C. Access không cho phép nhập dữ liệu

D. Dữ liệu của bảng sẽ có hai hàng giống hệt nhau

Câu 11: Chế độ nào cho phép thực hiện cập nhật dữ liệu trên bảng một cách đơn giản?

A. Chế độ hiển thị trang dữ liệu                                 B. Chế độ biểu mẫu

C. Chế độ thiết kế                                                       D. Một đáp án khác

Câu 12: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn xóa một bản ghi đã được chọn, ta bấm phím:

A. Enter                              B. Space                         C. Tab                            D. Delete

Câu 13: Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, với một trường đã chọn, muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng,  thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Record/Sort/Sort Descending                              B. Insert/New Record

C. Edit/ Sort Ascending                                            D. Record/Sort/Sort Ascending

Câu 14: Trong Access, từ Filter có ý nghĩa gì ?

A. Tìm kiếm dữ liệu                B. Lọc dữ liệu             C. Sắp xếp dữ liệu                  D. Xóa dữ liệu

Câu 15: Trong Access, muốn xem lại trang dữ liệu trước khi in, ta thực hiện :

A. File – Print Preview                                                       B. View – Print Preview

C. Windows – Print Preview                                              D. Tools – Print Preview

**2.5. Đề minh họa**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM** *(*7đ*) Chọn một đáp án đúng*

**Câu 1.** Chọn kiểu dữ liệu nào cho truờng điểm Toán, Lý....

A. AutoNumber B. Yes/No C. Currency D. Number

**Câu 2.** Có mấy chế độ chính để làm việc với các loại đối tượng?

A. 5 chế độ                          B. 3 chế độ                      C. 4 chế độ                  D. 2 chế độ

**Câu 3.** Trong Access các thao tác để xóa bảng là:

A.Chọn bảng cần xóa vào Edit 🡪 Delete B. Chọn bảng cần xóa 🡪 Edit delete rows

C. chọn Edit 🡪 Delete D. Chọn Record 🡪 Filter 🡪 Filter by form

**Câu 4.** Câu nào đúng trong các câu dưới đây đối với khoá chính?

A. Các giá trị của nó phải là duy nhất. C. Nó phải là trường đầu tiên của bảng.

B. Nó phải được xác định như một trường văn bản. D. Nó không bao giờ thay đổi

**Câu 5.** Khi làm việc với bảng, muốn xóa chế độ thiết kế với bảng ta chọn ?

A.Open B. New C. Preview D. Design

**Câu 6.** Trong Access, tõ **Filter** có ý nghĩa gì ?

A. Lọc dữ liệu B. Sắp xếp dữ liệu C. Xóa dữ liệu D. Tìm kiếm dữ liệu

**Câu 7.** Trong Access, dữ liệu kiểu ngày, tháng đươc khai báo bằng từ ?

A. Day/Time B. Day/Type C. Date/Type D. Date/Time

**Câu 8.** Khi làm việc với Access xong, muốn thoát khỏi Access, ta thực hiện:

A. View – Exit B. Tools – Exit C. File – Exit D. Windows – Exit

**Câu 9.** Khi làm việc với cấu trúc bảng, để xác định kiểu dữ liệu của trường, ta xác định kiểu dữ liệu tại cột :

A. Field Type B. Description C. Field Properties D. Data Type

**Câu 10.** Trong Access, nút lệnh này  có ý nghĩa gì?

A. Xác định khóa chính B. Khởi động Access

C. Cài mật khẩu cho tệp dữ liệu C. Mở tệp cơ sở dữ liệu

**Câu 11.** Cho biết phương tiện để đảm bảo việc chia sẻ CSDL có thể thực hiện được

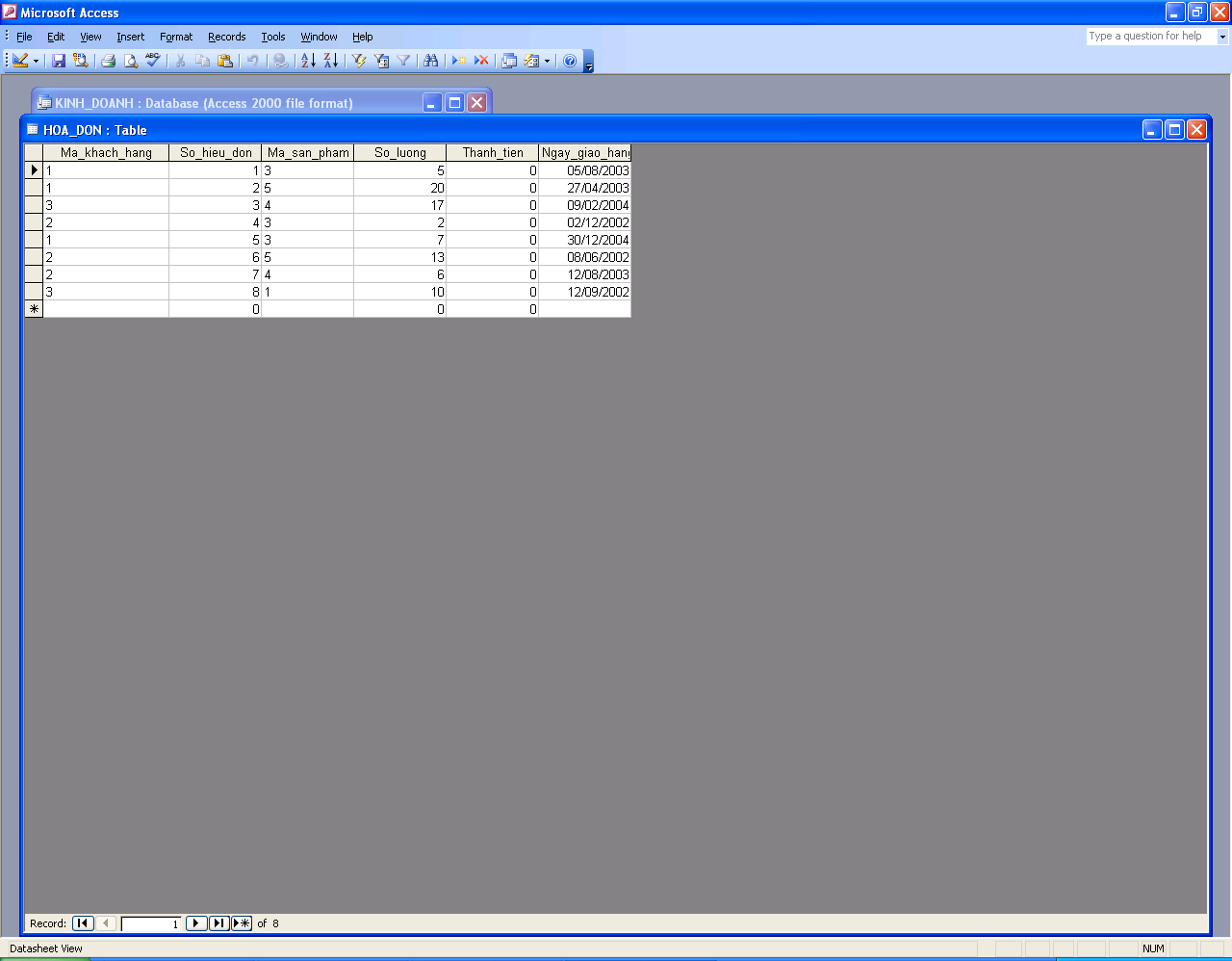
A. Máy tính và phương tiện kết nối mạng máy tính B. Hệ QTCSDL

C. Máy tính D. CSDL

**Câu 12.** Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để*:*

A. Nhập dữ liệu **B.** Sửa cấu trúc bảng

C. Lập báo cáo D. Tính toán cho các trường

**Câu 13.** Trên Table ở chế độ Datasheet View, biểu tượng  trên thanh công cụ?

A. Lọc theo ô dữ liệu đang chọn B. Huỷ bỏ lọc

C. Lưu (Save) lại nội dung sau khi lọc D. Lọc dữ liệu theo mẫu

**Câu 14.** Cho biết ý nghĩa của nút lệnh :

**A.** Lọc/Hủy lọc **B.** Lọc theo lựa chọn **C.** Lọc theo mẫu **D.** Tìm kiếm

**Câu 15.** Nút lệnh nào có công dụng thêm bản ghi mới vào bảng:

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Câu 16.** Phần đuôi của tên tập tin trong Access là

A TEXT B XLS C. DOC D. MDB

**Câu 17.** **Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL**

**A.** Bán hàng **B.** Quản lý học sinh trong nhà trường **C.** Bán vé máy bay **D.** Tất cả đều đúng

**Câu 18.** “ Tạo ra các chương trình ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác của các nhóm người dùng” là vai trò của :

**A.** Người quản trị CSDL. **B.** Người lập trình ứng dụng.

**C.** Người dùng. **D.** Tất cả đều đúng

**Câu 19.** Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường thành tiền (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ) , nên chọn loại nào

**A.** Text **B.** Date/time **C.** Currency **D.** Number

**Câu 20.** Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn tìm kiếm những bản ghi theo những điều kiện nào đó, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng

**A.** Edit/Find/<điều kiện> **B.** Record/Fillter/Fillter By Form

**C.** Insert/Colum **D.** Record/Fillter By Selection

**Câu 21:** Lệnh Create form in Design view dùng để tạo:

A. Tạo biểu mẫu; B. Tạo cơ sở dữ liệu C. Tạo bảng; D. Tạo cấu trúc bảng

**Câu 22:** Trong CSDL đang làm việc, để tạo một biểu mẫu mới bằng cách làm theo trình thuật sĩ , thì thao tác thực hiện nào sau đây là đúng.

A. Table – Create Table by using wizard B. Query – Create Query by using wizard

C. Form – Create Form by using wizard D. Report – Create Report by using wizard

**Câu 23:** Để tạo một tập tin cơ sở dữ liệu (CSDL) mới và đặt tên tệp trong Access, ta phải;

**A.** Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New

**B.** Khởi động Access, vào File chọn New hoặc click vào biểu tượng New, click tiếp vào Blank DataBase đặt tên file và chọn Create.

**C.** Kích vào biểu tượng New

**D.** Vào File chọn New

**Câu 24:** Trong vai trß cña con ng­êi khi lµm viÖc víi c¸c hÖ c¬ së d÷ liÖu, ng­êi thiÕt kÕ vµ cÊp ph¸t quyÒn truy cËp c¬ së d÷ liÖu, lµ ng­êi ?

A. Ng­êi lËp tr×nh øng dông B. Ng­êi qu¶n trÞ c¬ së d÷ liÖu

C. Ng­êi b¶o hµnh c¸c thiÕt bÞ phÇn cøng cña m¸y tÝnh D. Ng­êi dïng ®Çu cuèi

**Câu 25:** Người nào có vai trò trực tiếp trong vấn đề sử dụng phần mềm ứng dụng phục vụ nhu cầu khai thác thông tin.

**A.** Người dùng cuối **B.** Người QTCSDL **C.** Người lập trình **D.** Cả ba người.

**Câu 26:** Đây là hình ảnh của đối tượng nào?

A. Biểu mẫu trong chế độ thiết kế B. Biểu mẫu trong chế độ biểu mẫu

C. Mẫu hỏi trong chế độ thiết kế D. Bảng trong chế độ thiết kế

**Câu 27:** Giả sử trong bảng HOCSINH có các trường hodem, ten, gioitinh, diachi, to. Muốn đưa ra danh sách các học sinh ở tổ 1, ta thực hiện:

**A.** không thể đưa ra danh sách, do thiếu dữ kiện lọc

**B.** đặt con trỏ ngay ô có chứa số 1 của trường tổ, sau đó bấm lọc theo lựa chọn (filter by seletion)

**C.** đặt con trỏ tại ô bất kỳ của trường tổ, sau đó bấm lọc theo lựa chọn (filter by seletion)

**D.** đặt con trỏ ngay ô có chứa số 1 của trường tổ, sau đó bấm lọc theo mẫu(filter by form)

**Câu 28:** Hệ quản trị CSDL là:

**A.** Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ và khai thác một CSDL

**B.** Phần mềm dùng tạo lập CSDL

**C.** Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL

**D.** Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL

**II.PHẦN TỰ LUẬN(**3đ**)**

Câu 1: (2đ) Cho CSDL QuanLy\_ThuVien sau, hãy xác định khóa chính, kiểu dữ liệu cho các trường trong mỗi bảng:

**Bảng SACH:** khóa chính là:………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| Tên trường | Kiểu dữ liệu |
| Masach |  |
| TenSach |  |
| Tacgia |  |
| NamXB |  |
| NXB |  |
| giabia |  |
| Sluong |  |
| Docgia |  |

**Bảng DocGia: khóa chính là:…………………………..**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên trường | Kiểu dữ liệu |
| MaDG |  |
| TenDG |  |
| Ngaysinh |  |
| Lop |  |
| thuongtru |  |
| Themuon |  |

**Bảng PhieuMuon: khóa chính là:…………………………..**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên trường | Kiểu dữ liệu |
| Sothe |  |
| MaSach |  |
| MaDG |  |
| Ngaymuon |  |

Câu 2:Thuật sĩ là gì? Sử dụng thuật sĩ có ưu điểm và nhược điểm gì? (1đ)

Hoàng Mai, ngày tháng năm 2022

**TỔ TRƯỞNG**

**PHAN TRỌNG DŨNG**